

Số 287/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 05 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ
và chi phí do GPMB để xây dựng khu dân cư tại xã Phước Lộc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp GCNQSD đất, thu hồi đất, thực hiện QSD đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 6/8/2010 của UBND tỉnh Bình Định, về việc ban hành mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng đối với các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh quy định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng đã phê duyệt tại Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 06/8/2010 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Công văn số 2823/STNMT-QLĐĐ ngày 19/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất để xây dựng khu dân cư tại xã Phước Lộc;

Căn cứ Quyết định số 2919 đến số 2924/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc thu hồi đất nông nghiệp của các hộ dân ở thôn Quảng Tín và thôn Hanh Quang, xã Phước Lộc;

Xét Phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí do GPMB để xây dựng khu dân cư tại xã Phước Lộc của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện lập ngày 21/02/2014 kèm theo Tờ trình số 06/TTr-TTPTQĐ ngày 21/02/2014;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 79/TTr-TNMT ngày 28/02/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí do GPMB để xây dựng khu dân cư tại xã Phước Lộc như sau:

1- Bồi thường về đất:	157.381.000 đồng.
2- Hỗ trợ về đất:	311.521.000 đồng.
3- Bồi thường về cây cối hoa màu:	41.793.000 đồng.
4- Bồi thường mồ mả:	16.560.000 đồng.
5- Chi phí GPMB (2%):	10.545.000 đồng.
Trong đó chi phí thẩm định:	1.055.000 đồng.

Tổng (1+2+3+4+5) là: **537.800.000 đồng** (Năm trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng).

(Kèm theo bảng tổng hợp tính toán và phương án chi tiết)

*Nguồn chi trả: Ngân sách Nhà nước (Từ nguồn đầu giá QSD đất)

Điều 2. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Chủ tịch UBND xã Phước Lộc, các cơ quan có liên quan tổ chức chi trả giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí do GPMB cho các chủ sử dụng đất bị thiệt hại và quyết toán tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Lộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *flu*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Lộc



**Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí do GPMB
để xây dựng Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước**

(Kèm theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 05 / 3 /2014 của Chủ tịch UBND huyện)

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ	HS 1993		HS Vlap		Diện tích thửa đất(m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Loại đất	Hạng đất	Vị trí	Đơn giá đất (đ/m ²)	Bồi thường đất (đ)	Hỗ trợ về đất (đ)	Bồi thường cây cối hoa màu (đ)	Bồi thường mồ mã(đ)	Tổng cộng (đ)
			Số tờ bản đồ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Số thửa											
1	Lưu Quang Thi	Quang Hy	7	519	6	537									9.100.000		9.100.000
2	Nguyễn Thị Kim Long	Quang Hy	7		6										1.210.000		1.210.000
3	Võ Ngọc Sơn (Bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% giá đất)	Hanh Quang	7	495	6	495	754,90	200	BCS	6	1	8.100	1.620.000		1.891.000		3.511.000
4	Đình Văn Năm	Hanh Quang	7	576	6	523	691,5	691,5	HNK	4	1	37.000	25.585.500	51.171.000	2.420.000		79.177.000
5	Đình Văn Năm	Hanh Quang	7	574	6	562	636,3	636,3	HNK	4	1	37.000	23.543.100	47.086.200	1.184.000		71.813.000
6	Bùi Văn Phước	Quảng Tín	9	480	4	647									20.082.000		20.082.000
7	Đông Sỹ Minh	Quảng Tín	9		4										923.000	11.040.000	11.963.000
8	Nguyễn Ngọc Ân		9		4											4.140.000	4.140.000
9	Hồ Thị Thiện	Quảng Tín	9	473	4	616	672,9	672,9	HNK	4	1	37.000	24.897.300	49.794.600	1.480.000		76.172.000
10	Huỳnh Thị Thi	Quảng Tín	9	481	4	631	584,6	584,6	HNK	4	1	37.000	21.630.200	43.260.400	1.742.000		66.633.000
11	Nguyễn Thị Tư	Quảng Tín	9	478	4	663	567,9	567,9	HNK	3	1	42.000	23.851.800	47.703.600	1.761.000		73.316.000
12	Trần Thế Đông	Quảng Tín	9	480	4	647	979,8	979,8	HNK	4	1	37.000	36.252.600	72.505.200			108.758.000

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ	HS 1993		HS Vlap		Diện tích thửa đất(m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Loại đất	Hạng đất	Vị trí	Đơn giá đất (đ/m ²)	Bồi thường đất (đ)	Hỗ trợ về đất (đ)	Bồi thường cây cối hoa màu (đ)	Bồi thường mồ mã(đ)	Tổng cộng (đ)
			Số tờ bản đồ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Số thửa											
13	UBND xã															1.380.000	1.380.000
I	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ						4.333,0						157.380.500	311.521.000	41.793.000	16.560.000	527.255.000
II	Chi phí GPMB (2%)																10.545.000
	Trong đó chi phí thẩm định																1.055.000
III	Tổng cộng (I+II+III)																537.800.000

Tổng tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng.